**SẢN PHẨM CỦA NHÓM IV**

**TRƯỜNG THCS CÙ CHÍNH LAN VÀ LÍ TỰ TRỌNG**

Trần Thị Liên. Nguyễn Viết Huế. Trần Thị Hoa

Hoàng Văn Khánh. Lê Thị Mỹ Dung. Trần Quang Thắng

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: Ngữ văn – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1Ngữ liệu: Văn bản văn học chủ đề- mẹ thiên nhiên (văn bản thông tin) | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***2,0*** | ***0,5*** | ***2,0*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1,0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: Ngữ văn – LỚP 6**

**- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1Ngữ liệu: Văn bản văn học chủ đề- mẹ thiên nhiên (văn bản thông tin) | - **Nhận biết:**  Nhận diện thể loại/ phương thức biểu đạt; chi tiết/ hình ảnh,… nổi bật của đoạn trích/văn bản.  - Nhận biết công dụng của dấu chấm phẩy, nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ, trạng ngữ, từ mượn và hiện tượng vay từ mượn…trong đoạn trích/ văn bản,…  - Nhận biết đặc điểm và loại văn bản; chức năng đoạn văn trong văn bản,…. | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
|  | **Thông hiểu**:  Hiểu được ý nghĩa/ tác dụng của việc sử dụng thể loại/ phương thức biểu đạt/ từ ngữ/ chi tiết/ hình ảnh... trong đoạn trích/văn bản.  - Hiểu tác dụng của các biện pháp tu từ, dấu chấm phẩy, trạng ngữ; nghĩa của từ ngữ, trong đoạn trích/văn bản.  - Hiểu tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.  - Hiểu cách đặt câu có trạng ngữ, biện pháp tu từ trong những ngữ cảnh khác nhau,…  **Vận dụng:**  Trình bày ý kiến, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề đặt ra trong đoạn trích/văn bản:  + Rút ra bài học về tư tưởng/ nhận thức.  + Liên hệ những việc bản thân cần làm, |
| **2** | **Viết** | Viết bài nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) đời sống | **Nhận biết:**Nhận biết được các ý kiến lí lẽ,bằng chứng trong bài văn  Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn nghị luận  **Thông hiểu:**  **-**Triển khai được nội dung chính trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng:**  Rút ra được bài học về cách nghĩ ,cách ứng xứ từ vấn đề nghị luận.  **Vận dụng cao:**  Thể hiện được sự đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề nghị luận | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: Ngữ văn – LỚP 6**

**Thời gian**: 90 phút *(Không tính thời gian phát đề)*

**ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC - HIỂU *(6.0 điểm)***

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

*Truyền thuyết Trung Quốc kể rằng, thời Xuân Thu chiến quốc Tề Trang Công đi săn, giữa đường gặp một con bọ ngựa, nghểnh đầu giơ càng ra để chặn xe vua lại. Vua hỏi quần thần: “Con gì đấy?” một lính hộ giá thưa: “Một con bọ ngựa không tự lựa sức mình!”. Câu này về sau cho đến nay thành thành ngữ “Bọ ngựa không biết lượng sức”. Đúng là bọ ngựa cản xe, cũng hơi quá đáng, nhưng nó có đôi tay lợi hại, côn trùng thấy nó đều phải ngại.*

*Bọ ngựa có một đôi chân trước, co trước ngực, trên cái cổ dài là một cái đầu nhỏ hình tam giác bẹt. Trên chiếc miệng nhỏ xíu có một cặp hàm đen tía xấu xí, cổ nó rất mềm mại, có thể quay đầu đi mọi phía. Thần thái của nó rất nhu mì.*

*Lúc thường, bọ ngựa đậu trên cây, màu thân nó hòa vào với môi trường làm một, nên rất khó phát hiện. Nó thường nghênh đầu, giơ chân, quan sát tình địch. Khi phát hiện mục tiêu, như tên bắn, phóng đôi dao quắm ra vồ mồi, chẳng bao giờ vồ trượt.*

*Bọ ngựa là côn trùng ăn thịt. Nó ăn châu chấu, ruồi, nhặng, muỗi, bướm ngài, đa số là côn trùng có hại. Một con bọ ngựa trong 2- 3 tháng, ăn hết 700 con muỗi. Sở dĩ nó bắt mồi chính xác là vì cặp mắt kép của nó có hệ thống ngắm hoàn chỉnh. Nhờ hệ thống ngắm này, quá trình vồ mồi chỉ mất 0.05 giây, trăm phát trăm trúng….*

*(*Trích Bách khoa toàn thư tuổi trẻ, thiên nhiên và môi trường*, Nguyễn văn Thi - Nguyễn Kim Đô dịch,*NXB Phụ nữ, lưu chiểu 2002, tr.511- 512 )

**Câu 1**:Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính?

1. Nghị luận B. Thuyết minh.

C . Biểu cảm D. Tự sự

**Câu 2**. Đoạn trích cung cấp cho người đọc thông tin chính nào?

A. Đặc điểm của con bọ ngựa.

B. Một truyền thuyết Trung Quốc thời Xuân Thu chiến quốc.  
 C. Bọ ngựa cản xe Tề Trang Công, hơi quá đáng.

D. Côn trùng thấy bọ ngựa đều ngại.

**Câu 3.**Những từ nào sau đây là từ láy?

A. Bọ ngựa B. Nhỏ xíu C. Truyền thuyết D. Mềm mại

**Câu 4.**Chức năng của trạng ngữ trong câu: “Nhờ hệ thống ngắm này, quá trình vồ mồi chỉ mất 0.05 giây, trăm phát trăm trúng.”?

A. Chỉ thời gian B. Chỉ mục đích

C. Chỉ phương tiện D. Chỉ địa điểm

**Câu 5**. Biện pháp tu từ nào được sử dụng chủ yếu trong câu văn: “Thần thái của nó rất nhu mì.”?

1. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 6**. Dòng nào nêu không đúng tác dụng của biện pháp tu từ được xác định ở câu hỏi 4?

A Gợi tả hình ảnh một con bọ ngựa hiền lành, nết na như người con gái.  
 B. Con bọ ngựa trở nên vô cùng sinh động, gần gũi và dễ thương.  
 C. Tạo ấn tượng sâu sắc, lôi cuốn cho người đọc.  
 D. Lý giải sự lợi hại của con bọ ngựa.

**Câu 7**. Trong câu “*Bọ ngựa là côn trùng ăn thịt”*là câu có đơn?

1. Đúng B. Sai

**Câu 8**.Trong câu”*Nó thường nghênh đầu, giơ chân, quan sát tình địch”*có nhiều vị ngữ nhằm?

1. Giúp cho việc miêu tả hành động của đối tượng được cụ thể sinh động
2. Giúp nội dung câu phong phú
3. Giúp người viết trình bày rõ ý của mình
4. Giúp câu văn hay hơn

**Câu 9***(1 điểm)* **.** Đặt một câu về ích lợi của con bọ ngựa. Trong đó có sử dụng ít nhất một biện pháp tu từ em đã học.

**Câu 10***(1 điểm)* **.** Đoạn trích đã đem đến cho em những hiểu biết và bài học gì? (Trình bày 1 đoạn văn từ 3-4 câu).

**II. VIẾT** *(4.0 điểm)*Trường học là ngôi nhà thứ hai với biết bao điều đáng để các em quan tâm: tình thầy trò, quan hệ bạn bè, bạo lực học đường, rác thải, gian lận trong kiểm tra,… Em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ về một hiện tượng mà em quan tâm nhất trong nhà trường hiện nay.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: Ngữ văn – LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC - HIỂU** | **6.0** |
| 1 | B | 0.5 |
| 2 | A | 0.5 |
| 3 | D | 0.5 |
| 4 | C | 0.5 |
| 5 | B | 0.5 |
| 6 | D | 0.5 |
| 7 | A | 0.5 |
| 8 | A | 0.5 |
| 9 | .- Đặt một câu về ích lợi của con bọ ngựa. Trong đó có sử dụng ít nhất một biện pháp tu từ em đã học.  Đảm bảo hình thức 1 câu văn: có đủ CN-VN, có một biện pháp tu từ.  - Nội dung: Viết về ích lợi của con bọ ngựa.  - HS chưa đặt được hoặc đặt câu không đúng yêu cầu. | 1.0  (0,5)  . (0,5)  0 |
| 10 | HS viết đúng thể thức 1 đoạn văn (bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng), đảm bảo dung lượng từ 3 đến 4 câu). Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa, văn phong trong sáng, mạch lạc. (0,25)  - Qua đoạn trích, trình bày những hiểu biết sâu sắc về con bọ ngựa (như cách săn mồi, cách để tồn tại, …) và bài học ý nghĩa của bản thân về con bọ ngựa, về thế giới côn trùng, thiên nhiên, cuộc sống,... (0,5)  - Qua đoạn trích, trình bày những hiểu biết mới và bài học ý nghĩa của bản thân về con bọ ngựa, về thế giới côn trùng, thiên nhiên, cuộc sống,...(0,25) | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*.Đảm bảo cấu trúc bài văn (theo kiểu bài yêu cầu trong đề) | 0.25 |
|  | *b. Xác* định đúng vấn đề (cần giải quyết theo yêu cầu của đề)  ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm nhất trong nhà trường hiện nay | 0.25 |
|  | **Mở bài:**   * Dẫn dắt vào vấn đề cần bàn luận * Nêu được cụ thể hiện tượng sẽ bàn luận   **Thân bài :**  Triển khai vấn đề (theo yêu cầu của đề)  Lí lẽ 1…………….  Dẫn chứng1  Lí lẽ 2…..  Dẫn chứng 2……….  ………….  Sắp xếp lí lẽ bằng chứng theo một trình tự hợp lí.  **Kết bài:**  -Khẳng định lại ý kiến của mình.  - Đề xuất được giải pháp | 0,25  1,5  0,25 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e.* Lập luận chặt chẽ,lí lẽ thuyết phục người đọc | 1,0 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Biểu cảm về người thân | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***2,5*** | ***0,5*** | ***1,5*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1,0*** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được thời gian, ý nghĩa, cách thức tổ chức của lễ hội..  - Xác định được số từ.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được thông tin trong văn bản (thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng).  - Giải thích được ý nghĩa chức năng liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Biểu cảm về người thân | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm về người thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LỄ HỘI ĐỀN HÙNG**

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).

Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giày để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.

Phần rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, … của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích, ….

Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi khác.

Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Ðến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. Ðây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.

([*Lễ hội đền Hùng |- Cổng Thông Tin Điện Tử Phú Thọ (phutho.gov.vn)*](https://phutho.gov.vn/vi/le-hoi-den-hung)*)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lễ hội đền Hùng” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lễ hội đền Hùng” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

A. Thời gian, địa điểm, phần lễ - hội, ý nghĩa

B. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần lễ

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, địa điểm, ý nghĩa

D. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần hội

**Câu 3:** Đền Hùng nằm ở tỉnh nào?

A. Nam Định

B. Phú Thọ

C. Bắc Giang

D. Thái Bình

**Câu 4:** Lễ hội đền Hùng nhắc đến ngành nghề nào của nước ta?

A. Công nghiệp

B. Thương nghiệp

C. Nông nghiệp

D. Lâm nghiệp

**Câu 5:** Ý nào đúng khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau: “Ðây là **một** tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu”.

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 6:** Sự tích nào sau đây liên quan đến lễ hội đền Hùng?

A. Sự tích “Bánh chưng, bánh giày”

B. Sự tích “Cây lúa”

C. Sự tích “Quả dưa hấu”

D. Sự tích “Trầu cau”

**Câu 7:** “Lễ hội đền Hùng” nhắc đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam ta?

A. Tương thân tương ái

B. Uống nước nhớ nguồn

C. Tôn sư trọng đạo

D. Lá lành đùm lá rách

**Câu 8:** Lễ hội đền Hùng, gợi cho em nhớ đến câu ca dao nào?

1. Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

1. Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

C. Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.

1. Nhiễu điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

**Câu 9:** Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta?

**Câu 10:** Em hãy nêu hai việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã có công dựng nước và giữ nước?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết một bài văn bày tỏ cảm xúc về một người thân mà em yêu quý (ông, bà, cha, mẹ).

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời những ý nghĩa hợp lí.  (Ca ngợi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục lòng biết ơn, tôn trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa…) | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất hai việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã có công dựng nước và giữ nước. (Viếng nghĩa trang liệt sĩ, tham hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng,…) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài, thân bài, kết bài | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Bộc lộ tình cảm, cảm xúc của cá nhân đối với người thân. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí*  HS triển khai bài văn theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác biểu cảm, kết hợp miêu tả, tự sự. Sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu về nhân vật biểu cảm.  - Lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc chân thật của người viết qua những phương diện:  + Biểu cảm về ngoại hình.  + Biểu cảm về tính tình, việc làm, sở thích,...  + Biểu cảm về một kỉ niệm đáng nhớ.  - Khẳng định tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo. | 0,5 |